

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 10-ĐỒNG NAI
TỈNH ĐỒNG NAI**

Bản án số: 01/2026/HNGĐ-ST

Ngày: 08/01/2026

V/v “Ly hôn”

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 10, TỈNH ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Huỳnh Hoàng Lực.

Các Hội Thẩm nhân dân: Bà Nông Thị Giới.

Bà Vũ Thị Dung.

- Thư ký phiên tòa: Ông Cao Trọng Lợi – Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 10, tỉnh Đồng Nai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 10, tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Tình – Kiểm sát viên.

Ngày 08/01/2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 10, tỉnh Đồng Nai xét xử công khai vụ án Hôn nhân và gia đình sơ thẩm thụ lý số 187/2025/TLST-HNGĐ ngày 07/10/2025 về việc “Ly hôn”.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 80/2025/QĐXXST - HNGĐ ngày 08 tháng 12 năm 2025 và quyết định hoãn phiên tòa số 39/2025/QĐST-HNGĐ ngày 24/12/2025; giữa:

- Nguyên đơn: Bà Võ Thị X, sinh ngày 02 tháng 4 năm 1982.

- Bị đơn: Ông Trần Đình H, sinh ngày 23 tháng 8 năm 1978.

Cùng địa chỉ thường trú: Tổ 02, ấp P, xã M, tỉnh Đồng Nai.

NỘI DUNG CỦA VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 25/8/2025 và Bản tự khai ngày 07/10/2025, nguyên đơn bà Võ Thị X trình bày: Bà Võ Thị X tự nguyện tìm hiểu và chung sống với ông Trần Đình H sau thời gian tìm hiểu và tự nguyện chung sống với nhau vào năm 2003 có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã A, huyện B, tỉnh Bình Phước (nay là xã M, tỉnh Đồng Nai) là kết hôn lần 1 và tự nguyện kết hôn. Sau khi kết hôn vợ chồng sống hạnh phúc đến khoảng tháng 01/2024 thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, thường xuyên cãi nhau, không có tiếng nói chung. Nay cuộc sống vợ chồng không còn hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được, vợ chồng không thể tiếp tục chung sống với nhau được nữa. Vì vậy, bà Võ Thị X yêu cầu Tòa án giải quyết được ly hôn với ông Trần Đình H. Trong thời gian chung sống vợ chồng có Vợ chồng tôi có 04 người con chung gồm: Trần Thị Phương T, sinh ngày

12/10/2003; Trần Xuân T1, sinh ngày 03/5/2005; Trần Thị Thanh T2, sinh ngày 12/7/2009 và Trần Đình Phước sinh ngày 12/02/2015. Đối với các con Trần Thị Phương T, sinh ngày 12/10/2003; Trần Xuân T1, sinh ngày 03/5/2005 đã trưởng thành nên không yêu cầu giải quyết. Sau khi ly hôn bà Võ Thị X yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng 02 người con chung Trần Thị Thanh T2, sinh ngày 12/7/2009 và Trần Đình Phước sinh ngày 12/02/2015 cho đến khi các con chung trưởng thành đủ 18 tuổi.

Cấp dưỡng nuôi con chung: Bà Võ Thị X không yêu cầu ông Trần Đình H phải cấp dưỡng nuôi con.

Tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn ông Trần Đình H trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án nhân dân khu vực 10 – Đồng Nai đã tổng đạt thông báo thụ lý vụ án số 187/TB-TLVA ngày 07/10/2025, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải số 76/TB-TA ngày 05/11/2025 và Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 80/2025/QĐXXST - HNGĐ ngày 08/12/2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 39/2025/QĐST - HNGĐ ngày 24/12/2025. Nhưng bị đơn ông Trần Đình H vắng mặt nên không có lời trình bày và yêu cầu.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 10 – Đồng Nai tại phiên tòa: Quá trình nhận đơn, thụ lý và xét xử vụ án đã được tuân thủ đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự và đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, chấp nhận yêu cầu ly hôn của nguyên đơn, xử cho nguyên đơn được ly hôn với bị đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Áp dụng pháp luật tố tụng: Bị đơn ông Trần Đình H có hộ khẩu thường trú tại Tổ 02, ấp P, xã M, tỉnh Đồng Nai nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 10 – Đồng Nai được quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Đây là phiên tòa được mở lần thứ hai nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt; bị đơn ông Trần Đình H đã được Tòa án triệu tập lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn bà Võ Thị X và bị đơn ông Trần Đình H.

[2] Áp dụng pháp luật nội dung: Bà Võ Thị X và ông Trần Đình H sau thời gian tìm hiểu tự nguyện chung sống vào năm 2003, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã A, huyện B, tỉnh Bình Phước (nay là xã M, tỉnh Đồng Nai) vào ngày 30/12/2003 là kết hôn lần đầu phù hợp với quy định tại Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình 2014. Sau khi kết hôn vợ chồng sống hạnh phúc. Đến tháng 01 năm 2024 thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, không có tiếng nói chung, cuộc sống

hôn nhân không còn hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được, vợ chồng không thể tiếp tục chung sống được nữa nên Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 chấp nhận yêu cầu khởi kiện ly hôn của nguyên đơn đối với bị đơn.

[3]. Con chung: Trong thời gian chung sống vợ chồng có 04 người con chung gồm: Trần Thị Phương T, sinh ngày 12/10/2003; Trần Xuân T1, sinh ngày 03/5/2005; Trần Thị Thanh T2, sinh ngày 12/7/2009 và Trần Đình Phước sinh ngày 12/02/2015. Đối với các con chung gồm Trần Thị Phương T, sinh ngày 12/10/2003; Trần Xuân T1, sinh ngày 03/5/2005 các con đã trưởng thành đủ 18 tuổi nên không yêu cầu Toà án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Đối với con chung Trần Thị Thanh T2, sinh ngày 12/7/2009 và Trần Đình Phước sinh ngày 12/02/2015. Sau khi ly hôn bà Võ Thị X yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng 02 người con chung cho đến khi con chung đủ 18 tuổi. Hội đồng xét xử xét thấy do ông Trần Đình H vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án và không có lời trình bày. Hơn nữa, các con chung có đơn yêu cầu được sống với mẹ là bà Võ Thị X nên cần giao con chung tên Trần Thị Thanh T2, sinh ngày 12/7/2009 và Trần Đình Phước sinh ngày 12/02/2015 cho bà Võ Thị X trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp.

[4] Cấp dưỡng nuôi con: Bà Võ Thị X không yêu cầu ông Trần Đình H cấp dưỡng nuôi con chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Toà án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Ngoài ra nguyên đơn không có yêu cầu gì khác nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Ý kiến đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 10 – Đồng tại phiên tòa đề nghị chấp nhận yêu cầu ly hôn của nguyên đơn là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật nên được chấp nhận.

[7] Về án phí dân sự sơ thẩm: Đây là vụ án ly hôn theo yêu cầu của một bên do nguyên đơn bà Võ Thị X khởi kiện nên nguyên đơn phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm không có giá ngạch là 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) theo khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

1. Quan hệ hôn nhân: Căn cứ Điều 9, khoản 1 Điều 56, 58, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện ly hôn của nguyên đơn bà Võ Thị X.

Xử cho nguyên đơn bà Võ Thị X được ly hôn với bị đơn ông Trần Đình H.

2. Quan hệ con chung: Giao cho bà Võ Thị X được trực tiếp nuôi dưỡng con chung Trần Thị Thanh T2, sinh ngày 12/7/2009 và Trần Đình Phước sinh ngày 12/02/2015 cho đến khi các con chung trưởng thành đủ 18 tuổi.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

3. Quan hệ cấp dưỡng nuôi con chung: Bà Võ Thị X không yêu cầu ông Trần Đình H phải cấp dưỡng nuôi con chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

4. Quan hệ tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

5. Án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án, nguyên đơn bà Võ Thị X phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0002342 ngày 07 tháng 10 năm 2025 của Cơ quan Thi hành án Dân sự tỉnh Đồng Nai.

6. Quyền kháng cáo: Căn cứ vào các Điều 271, 273, của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, Viện kiểm sát nhân dân khu vực 10 – Đồng Nai có quyền kháng nghị bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đồng Nai; 01
- VKSND khu vực 10 – Đồng Nai, 01
- THADS tỉnh Đồng Nai; 01.
- Phòng THADS – khu vực 10 – Đồng Nai
- UBND xã Minh Đức; 01
- Công thông tin điện tử TANDTC; 01
- Các đương sự; 02
- Lưu HSVA;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Huỳnh Hoàng Lực